

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH HỌC KẾ TOÁN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Nguyễn Hà Hồng Anh¹, Đỗ Xuân Việt²

Ngày nhận bài: 07/6/2023; Ngày phản biện thông qua: 20/8/2023; Ngày duyệt đăng: 21/8/2023

TÓM TẮT

Hiện nay có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định học Kế toán, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào được thực hiện tại trường Đại học Tây Nguyên. Sử dụng phương pháp điều tra đối với 250 sinh viên ngành Kế toán tại Trường, bài báo xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định học Kế toán tại trường Đại học Tây Nguyên với mức độ tác động lần lượt là: Danh tiếng trường đại học, xã hội, triển vọng nghề nghiệp, gia đình và người thân, đặc điểm cá nhân. Bài viết là tài liệu hữu ích cho sinh viên cũng như những nhà quản lý tại trường Đại học Tây Nguyên, giúp họ có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả học tập và chất lượng đào tạo.

Từ khóa: Kế toán, quyết định học, sinh viên, trường Đại học Tây Nguyên.

1. MỞ ĐẦU

Các nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học kế toán đã được thực hiện nhiều trên thế giới và cả Việt Nam. Ali và Tinggi (2013) xem xét các yếu tố liên quan đến sự lựa chọn của sinh viên tại Đại học Sarawak, Malaysia cho thấy triển vọng nghề nghiệp là yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Kế toán của sinh viên. Trong khi đó, kết quả nghiên cứu của Wally-Dima (2013) khi nghiên cứu tại Botswana lại chỉ ra rằng cơ hội thăng tiến, sở thích cá nhân và việc làm sau khi tốt nghiệp là các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc sinh viên học kế toán. Ngược lại, Rababah (2016) cho thấy gia đình và bạn bè liên quan đáng kể đến việc lựa chọn ngành Kế toán tại các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017) thực hiện tại 5 trường đại học phía Nam Việt Nam đã tìm ra 6 nhân tố ảnh hưởng là đặc điểm trường đại học; tính cách, sở thích của người học; viễn cảnh nghề nghiệp; nhu cầu xã hội; tính chất nghề nghiệp và năng lực người học. Trong khi đó nghiên cứu của Nguyễn Tổ Tâm và cộng sự (2022) được thực hiện tại các trường đại học Việt Nam lại tìm ra động cơ nghề nghiệp và tầm quan trọng của trường đại học là hai nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn của sinh viên. Như vậy có thể thấy các nghiên cứu trong và ngoài nước đã được thực hiện tại nhiều địa điểm khác nhau nhưng chưa có nghiên cứu nào được thực hiện tại trường Đại học Tây Nguyên.

Trường Đại học Tây Nguyên là một trường công lập đào tạo đa ngành với tổng số 8 khoa, 35 ngành ở bậc đại học. Số lượng chỉ tiêu tuyển

sinh của khối ngành Kinh tế chiếm khoảng 18% (645/3.620), riêng ngành Kế toán chiếm khoảng 4% (140/3.620) (Trường Đại học Tây Nguyên, 2022b). Mặc dù số lượng sinh viên ngành Kế toán chưa có việc làm sau khi ra trường 2 năm gần đây có giảm nhưng vẫn còn khá cao. Cụ thể tỷ lệ sinh viên Kế toán chưa có việc làm năm 2020 là 25% (Trường Đại học Tây Nguyên, 2021), năm 2021 là 12,8% (Trường Đại học Tây Nguyên, 2022a). Bên cạnh đó, còn có nhiều sinh viên ngành Kế toán bỏ học, chuyển sang ngành khác. Để tránh tình trạng đó kéo dài, khiến lãng phí thời gian, tài chính của bản thân, gia đình và xã hội, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định học kế toán tại trường Đại học Tây Nguyên là vô cùng cần thiết.

Bài viết nhằm xác định các yếu tố và mức độ tác động của các yếu tố tới quyết định học kế toán của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Đo lường và kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới quyết định học kế toán của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

a. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu, các sách, tạp chí... có liên quan đến đề tài. Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập các báo cáo, số liệu thống kê từ trường Đại học Tây Nguyên.

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Lớp Kế toán - Kiểm toán K2020, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hà Hồng Anh; ĐT: 0978311579; Email: nhhanh@ttn.edu.vn.

b. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập qua bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert với 5 mức độ (1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý). Các câu hỏi trong bảng câu hỏi được tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu trước của tác giả Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), Nguyễn Tổ Tâm và cộng sự (2022).

- Chọn điểm nghiên cứu: Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả chọn điểm nghiên cứu là trường Đại học Tây Nguyên, cụ thể là ngành Kế toán thuộc khoa Kinh tế.

- Phương pháp chọn mẫu: Ngẫu nhiên phân tầng. Cụ thể: Phân chia các lớp thuộc ngành Kế toán từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, số lượng mẫu cần điều tra trong mỗi lớp dựa trên tỷ lệ sinh viên của từng lớp so với tổng thể sinh viên ngành Kế toán của cả Trường, sau đó sẽ điều tra ngẫu nhiên sinh viên trong từng lớp cho đủ số lượng mẫu cần điều tra của lớp đó.

- Cỡ mẫu: Theo Hair và cộng sự (2010), để có thể thực hiện phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với tỷ lệ quan sát/ biến đo lường là 5:1. Mô hình nghiên cứu có 28 biến quan sát, như vậy cỡ mẫu tối thiểu là 140. Trong nghiên cứu này, tác giả chọn cỡ mẫu là 250, phù hợp với công thức trên.

2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để xử lý các số liệu đã được thu thập.

2.2.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

- Mô hình nghiên cứu: Dựa theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), đồng thời căn cứ thực tiễn tại trường Đại học Tây Nguyên, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1DT_i + \beta_2CN_i + \beta_3TV_i + \beta_4GD_i + \beta_5XH_i + \varepsilon_i$$

Trong đó:

+ Biến phụ thuộc: Y (Quyết định học kế toán)

+ Biến độc lập: DT, CN, TV, GD, XH (lần lượt là: Danh tiếng trường đại học, đặc điểm cá nhân, triển vọng nghề nghiệp, gia đình và người thân, xã hội)

- Giả thuyết nghiên cứu

H1: Danh tiếng trường đại học tác động tích cực đến quyết định học kế toán.

H2: Đặc điểm cá nhân tác động tích cực đến quyết định học kế toán.

H3: Triển vọng nghề nghiệp tác động tích cực đến quyết định học kế toán.

H4: Gia đình và người thân tác động tích cực đến quyết định học kế toán.

H5: Xã hội tác động tích cực đến quyết định học kế toán.

2.2.4. Nguồn của các thang đo

Nguồn của các thang đo được thể hiện ở Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Nguồn của các thang đo

Thang đo	Nguồn
1. Danh tiếng trường đại học	Chapman (1981), Ali và Tinggi (2013), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017)
2. Đặc điểm cá nhân	Chapman (1981), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), Đặng Thu Hà và Đặng Thảo Hiền (2019).
3. Triển vọng nghề nghiệp	Ali và Tinggi (2013), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017)
4. Gia đình và người thân	Chapman (1981), Ali và Tinggi (2013), Rababah (2016), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017)
5. Xã hội	Ali và Tinggi (2013), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về mẫu nghiên cứu

Các số liệu được thu thập thông qua các bảng câu hỏi gửi trực tiếp cho 250 đối tượng (bao gồm sinh viên Kế toán các khóa 2019, 2020, 2021, 2022). Thời gian khảo sát thực hiện từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 01 năm

2023. Kết quả khảo sát thu về 250 phiếu trong đó có 249 phiếu hợp lệ, 1 phiếu không hợp lệ do trả lời nhiều phương án cho cùng một câu hỏi. Số lượng phiếu khảo sát theo từng lớp thể hiện ở Bảng 2 như sau:

Bảng 2. Số lượng phiếu khảo sát theo các lớp

Đơn vị tính: Phiếu

STT	Lớp	Số lượng thực tế (sinh viên)	Cỡ mẫu điều tra	Số lượng thu về	Tỷ lệ (%)
1	Kế toán K19	45	35	35	100
2	Kế toán K20	68	53	53	100
3	Kế toán K21A	52	40	40	100
4	Kế toán K21B	52	40	39	97,5
5	Kế toán K22A	58	45	45	100
6	Kế toán K22B	48	37	37	100
	Tổng cộng	323	250	249	99,6

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

3.2. Phân tích độ tin cậy

Để kiểm định độ tin cậy của các thang đo, sử dụng hệ số Cronbach’s Alpha. Theo Nguyễn Đình Thọ (2014), thang đo phải có tối thiểu là 3 biến đo lường, hệ số Cronbach’s Alpha $\geq 0,6$ thì có thể chấp nhận được. Ngoài ra, hệ số tương quan biến

tổng của các biến cũng phải $\geq 0,3$ thì biến quan sát đó mới đạt yêu cầu. Kết quả chạy lần thứ 1 cho thấy các biến đều đạt yêu cầu, ngoại trừ biến CN5 có hệ số tương quan biến tổng là 0,228 ($< 0,3$) nên bị loại để chạy lần 2. Kết quả chạy lần 2 thể hiện ở Bảng 3 như sau:

Bảng 3. Tổng hợp hệ số Cronbach’s Alpha của các thang đo

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach’s Alpha
Danh tiếng trường đại học (DT)	DT1 (Trường Đại học Tây Nguyên có chất lượng đào tạo ngành Kế toán cao)	0,748	0,820
	DT2 (Trường Đại học Tây Nguyên có cơ sở vật chất tốt)	0,693	
	DT3 (Tôi được biết sinh viên trường tôi ra trường có việc làm tốt, tỷ lệ có việc làm cao)	0,579	
	DT4 (Điểm đầu vào của ngành Kế toán thấp hơn so với các ngành khác)	0,357	
	DT5 (Tôi được biết giảng viên trường tôi rất giỏi)	0,691	
	DT6 (Học bổng của trường tôi rất cao và hấp dẫn)	0,450	
	DT7 (Học phí của trường tôi phù hợp với khả năng của tôi và gia đình)	0,479	
Đặc điểm cá nhân (CN)	CN1 (Tôi mong muốn làm việc trong lĩnh vực Kế toán)	0,525	0,697
	CN2 (Thế mạnh của tôi là các môn học tư duy, tính toán)	0,408	
	CN3 (Tôi thích môi trường làm việc văn phòng, ổn định)	0,531	
	CN4 (Tôi là người cẩn thận, phù hợp với ngành Kế toán)	0,463	
Triển vọng nghề nghiệp (TV)	TV1 (Nhu cầu lao động đối với nghề Kế toán cao)	0,340	0,676
	TV2 (Người làm nghề Kế toán có thể chuyển đổi sang ngành khác dễ dàng)	0,444	
	TV3 (Thu nhập của người làm nghề Kế toán cao)	0,470	
	TV4 (Nghề Kế toán có cơ hội thăng tiến trong công việc)	0,588	

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
Gia đình và người thân (GD)	GD1 (Gia đình và người thân khuyên tôi học Kế toán)	0,396	0,789
	GD2 (Thầy cô ở trường phổ thông khuyên tôi học Kế toán)	0,600	
	GD3 (Bạn bè của tôi rủ tôi cùng học Kế toán)	0,598	
	GD4 (Người thân của tôi cũng làm trong ngành Kế toán)	0,529	
	GD5 (Người thân của tôi cũng học ngành Kế toán ở trường Đại học Tây Nguyên)	0,571	
	GD6 (Người thân của tôi sẽ lo công việc cho tôi sau khi ra trường)	0,550	
Xã hội (XH)	XH1 (Xu hướng phát triển xã hội tác động đến quyết định của tôi)	0,661	0,808
	XH2 (Các thông tin dự báo nguồn nhân lực từ xã hội định hướng cho tôi lựa chọn)	0,717	
	XH3 (Ngành Kế toán luôn được sự đầu tư, quan tâm của các doanh nghiệp)	0,593	
Quyết định học kế toán (Y)	Y1 (Tôi hài lòng khi quyết định học Kế toán tại trường Đại học Tây Nguyên)	0,598	0,809
	Y2 (Tôi sẵn sàng giới thiệu người quen vào học ngành Kế toán ở trường tôi)	0,715	
	Y3 (Tôi cảm thấy bản thân thay đổi theo chiều hướng tốt hơn khi quyết định học ngành Kế toán)	0,663	

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

Bảng 3 cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy do hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6, đồng thời hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3.

3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

3.3.1. Phân tích EFA cho biến độc lập

Các biến độc lập được đưa vào phân tích EFA bao gồm: Danh tiếng trường đại học, đặc điểm cá

nhân, triển vọng nghề nghiệp, gia đình và người thân, xã hội. Kết quả chạy phân tích EFA lần một xuất hiện biến xấu là TV1 và GD1 (không có hệ số tải) nên bị loại để chạy lần hai. Kết quả chạy lần hai xuất hiện biến xấu là DT4 và DT7 (có hệ số tải nằm tách biệt ở một nhân tố) nên bị loại để chạy lần ba. Kết quả lần ba được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Tổng hợp kết quả EFA biến độc lập

STT	Biến quan sát	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
1	DT1	0,781				
2	DT2	0,755				
3	DT6	0,750				
4	DT5	0,678				
5	DT3	0,647				
6	GD3		0,778			
7	GD2		0,723			
8	GD5		0,720			
9	GD6		0,717			
10	GD4		0,627			

STT	Biến quan sát	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
11	CN3			0,749		
12	CN1			0,721		
13	CN4			0,719		
14	CN2			0,546		
15	XH2				0,788	
16	XH3				0,771	
17	XH1				0,689	
18	TV3					0,723
19	TV4					0,690
20	TV2					0,686
KMO		0,841		Eigenvalues		1,048
Sig. (Bartlett's Test)		0,000		Tổng phương sai trích		61,386%

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

Bảng 4 cho thấy các biến độc lập đều có hệ số tải $> 0,5$ do đó các biến trong mô hình là phù hợp. Đồng thời hệ số KMO = 0,841 $> 0,5$ nên phân tích nhân tố khám phá là phù hợp, giá trị sig. của kiểm định Bartlett là 0,000 $< 0,05$ chứng tỏ các biến có tương quan với nhau; giá trị Eigenvalues là 1,048 > 1 , trong mô hình có 5 nhân tố có ý nghĩa trong phân tích EFA; tổng phương sai trích là 61,386% $> 50\%$, tức là các nhân tố được rút trích giải thích được 61,386% sự biến thiên của dữ liệu.

Bảng 5. Tổng hợp kết quả EFA biến phụ thuộc

STT	Biến quan sát	Hệ số
1	Y1	0,657
2	Y2	0,782
3	Y3	0,730
KMO		0,694
Sig. (Bartlett's Test)		0,000
Eigenvalues		2,170
Tổng phương sai trích		72,332%

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

3.4. Phân tích tương quan Pearson

Sự tương quan giữa các biến độc lập với biến

phụ thuộc được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Mối tương quan giữa Y và các yếu tố

		Y	DT	CN	TV	GĐ	XH
Y	Tương quan Pearson	1	0,520**	0,373**	0,448**	0,340**	0,512**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	N	249	249	249	249	249	249
DT	Tương quan Pearson	0,520**	1	0,424**	0,469**	0,266**	0,448**
CN	Tương quan Pearson	0,373**	0,424**	1	0,329**	0,117	0,345**
TV	Tương quan Pearson	0,448**	0,469**	0,329**	1	0,284**	0,478**
GĐ	Tương quan Pearson	0,340**	0,266**	0,117	0,284**	1	0,408**
XH	Tương quan Pearson	0,512**	0,448**	0,345**	0,478**	0,408**	1

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

Bảng 6 cho thấy các biến độc lập DT, CN, TV, GĐ, XH đều có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với biến phụ thuộc (Y) (giá trị sig. của các biến này đều < 0,05), trong đó biến DT có hệ số tương quan cao nhất.

3.5. Phân tích hồi quy đa biến

Kết quả hồi quy đa biến được thể hiện ở các Bảng 7, 8 và 9. Bảng 7 cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh là 0,394 nghĩa là các biến độc lập giải thích được 39,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 60,6% là do sự tác động của các yếu tố khác chưa được đưa vào mô hình.

Bảng 7. Đánh giá sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn dự đoán	Durbin-Watson
1	0,638 ^a	0,407	0,394	0,54538	1,901

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

Bảng 8. Bảng ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Sig.
1 Hồi quy	49,529	5	9,906	33,303	0,000 ^b
Phần dư	72,278	243	0,297		
Tổng	121,807	248			

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

Bảng 9. Trọng số hồi quy

Biến	B	Độ lệch chuẩn	Beta chuẩn hóa	T	Sig.	T	VIF
(Hằng số)	0,532	0,250					
DT	0,301	0,069	0,268	4,395	0,000	0,655	1,527
CN	0,137	0,065	0,118	2,106	0,036	0,777	1,287
TV	0,141	0,062	0,137	2,284	0,023	0,677	1,476
GĐ	0,096	0,044	0,119	2,182	0,030	0,815	1,228
XH	0,227	0,060	0,236	3,792	0,000	0,629	1,589

Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS.

3.6. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các giả thuyết đưa ra đều được chấp nhận, đồng thời có 5 yếu tố ảnh hưởng tới quyết định học kế toán của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên đó là: Danh tiếng trường đại học, đặc điểm cá nhân, triển vọng nghề nghiệp, gia đình và người thân, xã hội. Cụ thể:

- Danh tiếng trường đại học: Đây là yếu tố có sự tác động lớn nhất tới quyết định học kế toán của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Chapman (1981), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), Nguyễn Tố Tâm và cộng sự (2022).

- Xã hội: Đối với yếu tố xã hội (thị trường lao động, nhu cầu nguồn nhân lực,...) có ảnh hưởng tới quyết định học kế toán của sinh viên. Đây là

Bảng 8: Giá trị sig. của kiểm định F là 0,000 < 0,05 như vậy mô hình hồi quy là phù hợp.

Ở Bảng 9: Giá trị sig. của kiểm định t của các biến đều < 0,05 nên 5 biến độc lập đều có sự tác động lên biến phụ thuộc, 5 giả thuyết đều được chấp nhận. Hệ số VIF của các biến đều < 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Beta chuẩn hóa cho thấy các biến đều có sự tác động tích cực đến biến phụ thuộc, mạnh nhất là DT, kế tiếp là XH và tác động ít nhất là CN. Từ kết quả bảng 9, phương trình hồi quy được viết như sau:

$$Y = 0,268DT + 0,236XH + 0,137TV + 0,119GĐ + 0,118CN + \varepsilon$$

yếu tố có sự tác động mạnh thứ hai, chỉ sau Danh tiếng trường Đại học, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017).

- Triển vọng nghề nghiệp: Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp có ảnh hưởng tới quyết định học kế toán của sinh viên. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Ali và Tinggi (2013), Wally-Dima (2013), Đặng Thu Hà và Đặng Thảo Hiền (2019), Nguyễn Tố Tâm và cộng sự (2022).

- Gia đình và người thân: Sự tác động của gia đình và người thân có ảnh hưởng tới quyết định học kế toán của sinh viên. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Chapman (1981), Rabahah (2016), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), Đặng Thu Hà và Đặng Thảo Hiền (2019).

- Đặc điểm cá nhân: Mặc dù kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố này có sự tác động thấp nhất đến quyết định học kế toán của sinh viên nhưng nó vẫn là một yếu tố có tác động tích cực, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Chapman (1981), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017), Đặng Thu Hà và Đặng Thảo Hiền (2019).

Tóm lại, kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước đã được tiến hành trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước của Wally-Dima (2013), Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017) chỉ ra rằng Đặc điểm cá nhân có tác động mạnh đối với quyết định học kế toán, tuy nhiên nghiên cứu này lại cho thấy đây là nhân tố có ảnh hưởng thấp nhất.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố ảnh

hưởng tích cực đến quyết định học ngành Kế toán của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên đó là: Danh tiếng trường đại học, đặc điểm cá nhân, triển vọng nghề nghiệp, gia đình và người thân, xã hội. Trong đó Danh tiếng trường đại học là yếu tố có sự tác động lớn nhất. Thông qua kết quả này, sinh viên có thể đưa ra những quyết định đúng đắn khi học kế toán tại trường Đại học Tây Nguyên, đồng thời giúp Trường có những giải pháp phù hợp hơn trong thời gian tới. Tuy nhiên 5 nhân tố được đưa vào mô hình mới chỉ giải thích được 39,4% sự biến thiên của dữ liệu, 60,6% còn lại là do ảnh hưởng của các nhân tố khác chưa được đưa vào mô hình. Do đó các nghiên cứu sau có thể mở rộng đối tượng điều tra cho các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác ngoài ngành Kế toán cũng như đưa thêm những nhân tố mới mà chưa được đề cập trong nghiên cứu này.

FACTORS AFFECTING THE DECISION TO LEARN ACCOUNTING AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Ha Hong Anh¹, Do Xuan Viet²

Received Date: 07/6/2023; Revised Date: 20/8/2023; Accepted for Publication: 21/8/2023

SUMMARY

There are many domestic and foreign studies on the factors affecting the decision to study accounting, but no research has been conducted at Tay Nguyen University. Using the survey method for 250 Accounting students at the University, the paper identifies the factors influencing the decision to study Accounting at Tay Nguyen University with the level of impact respectively: The University's reputation, social's information and needs, career prospects, family and peers, personal characteristics. The article is a useful document for students and managers at Tay Nguyen University, helping them have appropriate solutions to improve learning efficiency and training quality.

Keywords: Accounting, learning decision, students, Tay Nguyen University.

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²Class of Accounting and Auditing K2020, Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Ha Hong Anh; Tel: 0978311579; Email: nhhanh@ttn.edu.vn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- Đặng Thu Hà & Đặng Thảo Hiền (2019). Nghiên cứu đề xuất các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chuyên ngành kế toán của người học. *Hội thảo quốc gia: Nghiên cứu và đào tạo kế toán, kiểm toán: “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Những vấn đề đặt ra với nội dung và chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán”*, 123-133.
- Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Đỗ Thị Lan & Lê Thị Thùy Trang (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn học ngành Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 13, 186-191.
- Nguyễn Đình Thọ (2014). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tài chính.
- Trường Đại học Tây Nguyên (2021). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2020*. Đắk Lắk.
- Trường Đại học Tây Nguyên (2022a). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2021*. Đắk Lắk.
- Trường Đại học Tây Nguyên (2022b). *Thông tin tuyển sinh năm 2022*. Đắk Lắk.
- Nguyễn Thị Bích Vân, Nguyễn Thị Thu Vân & Lưu Chí Danh (2017). Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn học ngành kế toán ở Việt Nam. *Kinh tế & Phát triển*, 240(2), 72 – 82.

Tài liệu tiếng Anh

- Ali, S.S.S. & Tinggi, M. (2013). Factors influencing the students choice of accounting as a major. *The IUP Journal of Accounting Research & Audit Practices*, 4(4), 25-42.
- Chapman, D.W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505.
- Hair, Jr.J.F., Black, W.C., Babin, B.J. & Anderson, R.E. (2010). *Multivariate Data Analysis (7th Edition)*. Pearson Prentice Hall.
- Rababah, A. (2016). Factors influencing the students’ choice of accounting as a major: The case of X University in United Arab Emirates. *International Business Research*, 9(10), 25-32.
- Wally-Dima, L. B. (2013). Factors Influencing Students’ Choice of Accounting as a Major: The Case of Botswana Accounting Students. *Asian Journal of Empirical Research*, 3(4), 464-476.